

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 25/2015/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 09 tháng 6 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định mức thu lệ phí đăng ký cư trú,
lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí và Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 tháng 2002;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 07 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí và Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 05 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002;

Căn cứ Thông tư số 06/2008/TT-BCA-C11 ngày 27 tháng 5 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn một số điểm về lệ phí đăng ký cư trú, cấp chứng minh nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2015/NQ-HĐND ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh tại Tờ trình số 1825/TTr-CAT-PV11(PC64) ngày 04 tháng 6 năm 2015 và kết quả thẩm định văn bản quy phạm pháp luật của Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo số 28/BC-STP ngày 29 tháng 5 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức thu lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi như sau:

1. Đối tượng nộp lệ phí:

a) Người đăng ký, quản lý cư trú với cơ quan đăng ký, quản lý cư trú theo quy định của pháp luật về cư trú, trừ các đối tượng và trường hợp được quy định tại điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều này.

b) Người được cơ quan Công an cấp chứng minh nhân dân, trừ các đối tượng và trường hợp được quy định tại điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều này.

2. Các đối tượng và trường hợp không thu lệ phí:

a) Các đối tượng và trường hợp không thu lệ phí đăng ký cư trú, bao gồm: Bố, mẹ, vợ (hoặc chồng) của liệt sĩ, con dưới 18 tuổi của liệt sĩ; thương binh, con dưới 18 tuổi của thương binh; Bà mẹ Việt Nam anh hùng; hộ gia đình thuộc diện hộ nghèo; công dân thuộc xã, thị trấn vùng cao theo quy định của Ủy ban Dân tộc; đình chính lại địa chỉ do nhà nước thay đổi địa giới hành chính, đường phố, số nhà, xóa tên trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú.

b) Các đối tượng không thu lệ phí chứng minh nhân dân, bao gồm: Bố, mẹ, vợ (hoặc chồng) của liệt sĩ, con dưới 18 tuổi của liệt sĩ; thương binh, con dưới 18 tuổi của thương binh; công dân thuộc xã, thị trấn vùng cao theo quy định của Ủy ban Dân tộc.

3. Các trường hợp miễn thu lệ phí:

a) Miễn thu lệ phí đăng ký cư trú khi cấp mới sổ hộ khẩu thuộc một trong các trường hợp gồm: Trước đây chưa được cấp sổ hộ khẩu do không xác định được nơi đăng ký thường trú hoặc đã đăng ký thường trú nhưng chưa được cấp sổ hộ khẩu, nay được cấp sổ mới theo quy định của Luật Cư trú; chuyển nơi đăng ký thường trú ra ngoài phạm vi thành phố thuộc tỉnh; ngoài xã, thị trấn của huyện thuộc tỉnh và được cấp sổ hộ khẩu mới (trừ trường hợp chuyển cả hộ gia đình); tách sổ hộ khẩu.

b) Các trường hợp miễn thu lệ phí chứng minh nhân dân bao gồm: Miễn thu lệ phí khi cấp mới, thay mới chứng minh nhân dân và khi cấp đổi chứng minh nhân dân do chứng minh nhân dân hết hạn sử dụng (quá 15 năm kể từ ngày cấp).

4. Mức thu lệ phí *(cụ thể có phụ lục ban hành kèm theo)*.

5. Cơ quan thu lệ phí:

a) Cơ quan thu lệ phí đăng ký cư trú: Công an xã, phường, thị trấn; Công an thành phố Quảng Ngãi.

b) Cơ quan thu lệ phí cấp chứng minh nhân dân: Công an huyện, thành phố; Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

6. Chứng từ thu lệ phí: Đơn vị thu lệ phí lập và cấp biên lai thu cho đối tượng nộp lệ phí theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính về phát hành, quản lý, sử dụng ấn chỉ thuế. Trình tự, thủ tục thực hiện theo Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định của

pháp luật về phí và lệ phí; Thông tư số 153/2012/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước.

7. Quản lý, sử dụng, thanh quyết toán lệ phí:

a) Số tiền thu lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí cấp chứng minh nhân dân là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước, phải nộp 100% lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo quy định.

b) Cơ quan thu lệ phí phải thực hiện việc thu, quản lý theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

c) Hàng năm, cơ quan thu lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí cấp chứng minh nhân dân phải lập dự toán thu, chi đối với nguồn kinh phí này gửi cơ quan tài chính cùng cấp thẩm tra, trình cấp thẩm quyền cấp kinh phí để làm cơ sở thực hiện và quản lý, sử dụng; thực hiện việc thanh quyết toán đúng quy định. Trường hợp các khoản chi trong năm vượt mức dự toán đầu năm thì báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp thẩm tra, trình cấp thẩm quyền cấp bổ sung kinh phí.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Công an tỉnh có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, kiểm tra cơ quan thu lệ phí thực hiện việc thu, quản lý, sử dụng lệ phí theo quy định; niêm yết hoặc thông báo công khai mức thu lệ phí, chứng từ thu và văn bản quy định thu lệ phí tại địa điểm thu lệ phí; thực hiện việc thu lệ phí theo đúng đối tượng, mức thu theo Quyết định này.

b) Tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí trên địa bàn tỉnh; đồng thời tổng hợp các kiến nghị, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền.

2. Cục Thuế tỉnh có trách nhiệm bảo đảm chứng từ thu lệ phí đối với cơ quan thu lệ phí; hướng dẫn việc kê khai, thu, nộp, mở sổ sách, chứng từ kế toán và quyết toán lệ phí theo quy định.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn cơ quan thu lệ phí lập dự toán thu, chi hàng năm.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 05/2009/QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Công an tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh;

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Lê Quang Thích

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 25/2015/QĐ-UBND ngày 09/6/2015
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Công việc thực hiện	Đơn vị tính	Mức thu	
			Các phường của thành phố Quảng Ngãi	Các xã thuộc thành phố Quảng Ngãi và các xã, thị trấn của huyện thuộc tỉnh Quảng Ngãi
I	Lệ phí đăng ký cư trú			
1	Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người nhưng không cấp sổ hộ khẩu, sổ tạm trú.	Đồng/lần đăng ký	15.000	7.000
2	Cấp mới, cấp lại, đổi sổ hộ khẩu, sổ tạm trú.	Đồng/lần cấp	20.000	10.000
3	Cấp đổi sổ hộ khẩu, sổ tạm trú theo yêu cầu chủ hộ vì lý do nhà nước thay đổi địa giới hành chính, tên đường, số nhà.	Đồng/lần cấp	10.000	5.000
4	Đính chính các thay đổi trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú.	Đồng/lần đính chính	8.000	4.000
II	Lệ phí cấp chứng minh nhân dân			
1	Cấp lại, đổi chứng minh nhân dân (không bao gồm tiền ảnh của người được cấp chứng minh nhân dân).	Đồng/lần cấp	9.000	4.000